

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ PHONG
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 01/2025/KDTM -ST

Ngày: 17/04/2025

V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN Q, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Huyền Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Cù Đức Hùng và ông Mong Văn Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Lang Thanh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST- DS, ngày 17 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST - DS, ngày 06 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 28/03/2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần lộc phát Việt Nam (Tên gọi cũ **Ngân hàng TMCP Bưu điện liên Việt**). Địa chỉ: Toà nhà Thaiholdings, số 210 Trần Quang Khải, Quận Hn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Tây Nghệ An.

Người được uỷ quyền lại: Ông **Trần H** – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Q. Địa chỉ: Ngân hàng TMCP Lộc phát Việt Nam- PGD Q: Khối B, thị trấn K, huyện Q, Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm: 1982. Có mặt

Bà **Hng Thị H**, Sinh năm: 1987. Vắng mặt

Đều có nơi ĐKTT: Xóm 9, xã D, huyện D, Nghệ An và Đều có nơi cư trú hiện tại: Bản L, xã T, huyện Q, Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hùng trình bày:

*Ngày 17/01/2023 Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Nghệ An – PGD Q (Nay đổi tên thành Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam – PGD Q) ký Hợp đồng tín dụng số HDTD18B202334 cho ông Phạm Văn T và bà Hng Thị H vay vốn, được giải ngân tại 02 khế ước nhận nợ:

Khế ước nhận nợ số 18B202334/03 ngày 30/08/2023: Số tiền vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời gian vay vốn từ ngày 30/08/2023 đến ngày 30/7/2024, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất vay Cố định 3 tháng đầu 12,63%/năm, các tháng tiếp theo lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng, phương thức trả nợ trả lãi hàng tháng, gốc trả cuối kỳ. Tính đến hết kỳ trả lãi tháng 4/2024 (Đến ngày 6/5/2024) Ông T và bà H đã trả được 15.156.000 đ (Mười lăm triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền lãi. Do Ngân hàng mở phong toả tài khoản số tiền 4.002.981đ (Bốn triệu, không trăm linh hai nghìn, chín trăm tám mươi một đồng) được trừ vào tiền gốc.

Khế ước nhận nợ số 18B202334/04 ngày 19/12/2023: Số tiền vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), thời gian vay vốn từ ngày 19/12/2023 đến ngày 19/11/2024, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất vay Cố định 3 tháng đầu 11,7%/năm, các tháng tiếp theo lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng, phương thức trả nợ trả lãi hàng tháng, gốc trả cuối kỳ. Tính đến kỳ trả lãi tháng 4/2024 (Ngày 06/5/2024) Ông T, bà H đã trả được số tiền lãi là 13.847.672đ (Mười ba triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm bảy mươi hai đồng); chưa trả được đồng tiền gốc nào.

*Ngày 22/03/2024 Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam – PGD Q tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số HDTD18B202468 cho ông Phạm Văn T và bà Hng Thị H vay vốn, được giải ngân tại khế ước nhận nợ số 18B202468/01 ngày 22/03/2024. Số tiền vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), thời gian vay vốn từ ngày 22/03/2024 đến ngày 22/12/2024, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất vay Cố định 9 tháng đầu 8%/năm, các tháng tiếp theo lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng, phương thức trả nợ trả lãi hàng tháng, gốc trả cuối kỳ. Đến nay chưa trả được tiền gốc, tiền lãi nào.

Để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng trên, ông Phạm Văn T và bà Hng Thị H đã ký với Ngân hàng TMCP Lộc Phát, Hợp đồng thế chấp số HDTC18B202333 ngày 17/01/2023, được chứng thực hợp đồng tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 17/01/2023 số chứng thực: 41, Quyền số 01/2023/SCT/HĐ,GD,

đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q, ngày 17/01/2023, số thứ tự 15, quyền số 1. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 11, tờ bản đồ số 8, diện tích 694,7m² (đất ở nông thôn: 250 m² và đất trồng cây lâu năm: 444,7 m²), tại Bản L, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An, được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 26/09/2022 số DH 566047, số vào sổ cấp GCN: CH02991 cho ông Phạm Văn T và bà Hng Thị H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, Ông T và bà H, đã trả được tổng số tiền là: 33.006.653 đồng (*Cụ thể ở từng hợp đồng trên*). Ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H đã không trả nợ lãi cho Ngân hàng khi đến kỳ trả lãi tháng 05/2024 (Từ ngày 7/5/2024) đối với 03 khế ước nhận nợ nêu trên và đến nay vẫn chưa thanh toán, nên khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định.

Do đó, ***Ngân hàng khởi kiện yêu cầu*** Ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H thanh toán cho Ngân hàng TMCP Lộc phát Việt Nam T bộ nợ gốc và lãi phát sinh cả 02 hợp đồng (03 khế ước nhận nợ) tính đến ngày 17/4/2025 là: 1.151.438.522 đ (Một Tỷ, một trăm năm mươi một triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc: 995.997.019đ (Chín trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm mười chín đồng) đồng. Nợ lãi trong hạn còn: 15.947.834 đồng; nợ lãi quá hạn: 138.173.220 đồng, lãi phạt chậm trả: 1.320.448 đồng. Tiền lãi tiếp tục phát sinh được tính từ ngày 18/04/2025 cho đến khi Ông T, bà H trả hết nợ cho Ngân hàng Lộc phát theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký.

Trường hợp Ông T, bà H không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng Lộc phát được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 566047 do UBND huyện Q cấp ngày 26/09/2022, đứng tên ông Phạm Văn T và bà Hng Thị H. Toạ lạc tại thửa đất số: 11, tờ bản đồ số 8, thuộc bản L, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Nếu số tiền phát mãi tài sản vẫn chưa đủ thanh toán hết khoản nợ, thì ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H vẫn phải trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi hết các khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn trình bày:

*Bản tự khai của bị đơn ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H đều thừa nhận có vay Ngân hàng bưu điện Liên Việt (Nay là Ngân hàng Lộc Phát) tổng số tiền cả 3 đợt vay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) từ các năm 2023, 2024. Gia đình đã trả tiền lãi hàng trong khoảng 4 đến 5 tháng (Lời khai của ông T); còn bà H Khai trả nợ lãi đến khoảng tháng 5/2024, từ đó trở đi do gia đình không đủ khả năng trả cho

Ngân hàng. Nên nhất trí bàn giao T bộ tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng Lộc Phát (tên cũ: Ngân hàng Bưu điện liên việt) để thanh toán khoản nợ.

* Tại phiên tòa: Ông Phạm Văn T có ý kiến không có khả năng trả nợ nên xin Ngân hàng cho gia đình được miễn các khoản lãi và trả dần các khoản nợ gốc trong thời gian 70 tháng. Nếu xử lý tài sản thế chấp thì phải bán tài sản thế chấp (Đất và tài sản gắn liền với đất) bằng với giá mà Ngân hàng đã định giá tại thời điểm làm hợp đồng hợp đồng thế chấp để vay là 1.438.000.000đ (Một tỷ, bốn trăm ba mươi tám triệu đồng) hoặc chỉ giảm giá trị so với số tiền đã định giá từ 5% đến 10%.

* Bị đơn ông T và bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử vụ án, Quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù đang sinh sống, có mặt tại địa phương, vẫn nhận văn bản tố tụng được giao nhưng ông T và bà H không hợp tác ký nhận các văn bản tố tụng đã được giao, nên Tòa án đã lập biên bản để có căn cứ tiếp tục giải quyết vụ án.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp ngày 26/12/2024 thể hiện: Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 8, diện tích 694,7m² (đất ở nông thôn: 250 m² và đất trồng cây lâu năm: 444,7 m²), tại Bản L, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An và Các tài sản gắn liền với đất (*Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/12/2024 trong hồ sơ đã thể hiện đầy đủ*) hiện do vợ chồng Ông T và bà H đang quản lý, sử dụng và không có tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Các Bị đơn vắng mặt Tại các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và H giải của Tòa án là không tuân thủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Lộc phát Việt Nam (Tên gọi cũ: Ngân hàng Bưu điện liên việt).

1. Buộc ông T, bà H trả nợ gốc và lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng Lộc phát với ông T, bà H.

2. Đề nghị chấp nhận yêu cầu xử lý nợ của Ngân hàng với thửa đất và tài sản gắn liền với đất đã thế chấp nếu bị đơn không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Đề nghị buộc Ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm thụ lý vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn xuất trình, Tòa án đã xác định quan hệ là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ nội dung hợp đồng, lời khai của các đương sự; đương sự cung cấp thêm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bị đơn. Tòa án xác định được việc vay vốn trong quan hệ tín dụng giữa Ngân hàng Lộc Phát và các bị đơn trong vụ án là vì mục đích lợi nhuận (Bị đơn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh). Do đó HĐXX xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, là vụ án Kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS và thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù các bị đơn ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 9, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Nhưng biên bản xác minh tại Công an xã T thì từ trước và tại thời điểm ký kết các Hợp đồng với Ngân hàng TMCP Lộc phát Việt Nam, thời điểm khởi kiện và cho đến nay thì Ông T, bà H đã mua đất, sinh sống, buôn bán ổn định tại Bản L, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với các bị đơn, nhưng đều vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và H giải. Tại phiên tòa, bà H vắng mặt không lý do lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Hoàng Thị H.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông T, bà H trả số tiền gốc vay cả 02 Hợp đồng tín dụng (03 khế ước nhận nợ) là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), đã trả được tiền gốc 4.002.981đ (Do mở tài khoản phong tỏa của ông T nên được khấu trừ vào tiền gốc), còn nợ gốc 995.997.019đ và lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi phạt chậm trả theo các Hợp đồng đã ký kết. Ngoài ra nếu không trả hoặc trả không đủ yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

[2.1]. Về yêu cầu trả tiền nợ gốc, nhận thấy:

Xét các Hợp đồng tín dụng số số HDTD18B202334, ngày 17/01/2023 và Hợp đồng tín dụng số HDTD18B202468, ngày 22/03/2024 giữa Ngân hàng TMCP Lộc

Phát Việt Nam – PGD Q (Tên gọi cũ: Ngân hàng Bưu điện liên Việt) và Ông Phạm Văn T, bà Hoàng Thị H được các bên ký kết Hoàn Toàn tự nguyện. Nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái quy định của pháp luật, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức hợp đồng. Do đó hợp đồng các bên đã ký kết là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, nguyên đơn đã Hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay là giao đủ tiền theo khế ước nhận nợ và hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký. Tuy nhiên, về phía bị đơn, đến hạn thanh toán hợp đồng, đã không thanh toán đầy đủ tiền gốc (*Khế ước nhận nợ số 18B202334/03 ngày 30/08/2023: Số tiền vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn trả ngày 30/7/2024 (Khế ước này đã trả được 4.002.981đ do mở phong tỏa tài khoản); Khế ước nhận nợ số 18B202334/04 ngày 19/12/2023: Số tiền vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), thời hạn trả ngày 19/11/2024; khế ước nhận nợ số 18B202468/01 ngày 22/03/2024. Số tiền vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), thời hạn trả ngày 22/12/2024)* và không trả tiền lãi cho Ngân hàng từ tháng 5/2024 đến nay (Mới trả đến 06/05/2024), là đúng với bản khai của ngân hàng, bản khai của các bị đơn và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thu thập được.

Do ông T, bà H không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng chưa trả được tiền gốc cũng như tiền lãi theo thỏa thuận khi đến hạn như nội dung các hợp đồng và các khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết. Vì vậy việc Ngân hàng Lộc Phát khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H trách nhiệm thanh toán khoản vay gốc theo 02 Hợp đồng tín dụng (3 khế ước nhận nợ) ***tổng số tiền còn lại là 995.997.019đ (Chín trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm mười chín đồng)*** là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Lãi suất vay các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Ông T và bà H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lãi theo cam kết (Vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 07/05/2024 đến nay), nên cần buộc ông T và bà H trả cho ngân hàng khoản tiền lãi tính đến ngày 17/04/2025 là: 151.438.522 đồng. Trong đó: Nợ lãi trong hạn còn lại: 15.947.834 đồng; nợ lãi quá hạn: 138.173.220 đồng, lãi phạt chậm trả: 1.320.448 đồng. Tiền lãi tiếp tục phát sinh được tính từ ngày 18/04/2025 cho đến khi Ông T, bà H trả hết nợ cho Ngân hàng Lộc phát theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

****Đối với Hợp đồng tín dụng số 18B202334 ngày 17/01/2023, được giải ngân tại 02 khế ước nhận nợ:***

-Khế ước nhận nợ số 18B202334/03 ngày 30/8/2023: Nợ gốc 200.000.000 đồng (Đã trả được 4.002.981đ; Còn nợ: 195.997.019 đồng)

+ Lãi trong hạn: Tính từ ngày 30/8/2023 đến ngày 30/7/2024 là: $335 \text{ (ngày)} \times 200.000.000 \text{ đồng (gốc)} \times 12.63\% : 365 \text{ (ngày)} = 23.183.836 \text{ (đồng)} - 15.156.000 \text{ đồng (đã trả)} = 8.027.835 \text{ đồng}$. (tiền lãi trong hạn tại khế ước này đúng ra chỉ tính đến ngày đến ngày 06/05/2024, nhưng do ngân hàng mở phong toả tài khoản được khấu trừ 4.002.981đ vào tiền gốc, nên Ngân hàng tính lãi trong hạn đến ngày 30/7/2024, là có lợi cho ông T, bà H).

+ Lãi quá hạn: Tính từ ngày 31/7/2024 đến ngày 17/04/2025 là: $260 \text{ (ngày)} \times 195.997.019 \text{ đồng (gốc)} \times 18.945\% \text{ (lãi quá hạn} = 150\% \text{ lãi trong hạn)} : 365 \text{ (ngày)} = 26.449.932 \text{ đồng}$.

+ Lãi phạt chậm trả: Tính từ ngày 31/7/2024 đến ngày 17/04/2025 là: $260 \text{ (ngày)} \times 8.027.835 \text{ đồng (lãi trong hạn)} \times 10\% \text{ (lãi phạt quá hạn)} : 365 \text{ (ngày)} = 571.846 \text{ đồng}$.

-Khế ước nhận nợ số 18B202334/04 ngày 19/12/2023: Nợ gốc là 400.000.000 đồng.

+ Lãi trong hạn: Tính từ ngày 19/12/2023 đến 06/5/2024 là: $139 \text{ (ngày)} \times 400.000.000 \text{ đồng (gốc)} \times 11.7\% : 365 \text{ (ngày)} = 17.822.465 \text{ (đồng)} - 13.847.672 \text{ đồng (đã trả)} = 3.974.794 \text{ đồng}$.

+ Lãi quá hạn: Tính từ ngày 07/5/2024 đến ngày 17/04/2025 là: $345 \text{ (ngày)} \times 400.000.000 \text{ đồng (gốc)} \times 17.55\% \text{ (lãi quá hạn} = 150\% \text{ lãi trong hạn)} : 365 \text{ (ngày)} = 66.353.425 \text{ đồng}$.

+ Lãi phạt chậm trả: Tính từ ngày 07/5/2024 đến ngày 17/04/2025 là: $345 \text{ (ngày)} \times 3.974.794 \text{ đồng (lãi trong hạn)} \times 10\% \text{ (lãi phạt quá hạn)} : 365 \text{ (ngày)} = 375.700 \text{ đồng}$.

***Đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD18B202468, tại Khế ước nhận nợ số 18B202468/01 ngày 22/03/2024. Nợ gốc là 400.000.000 đồng**

+ Lãi trong hạn: Tính từ ngày 22/3/2024 đến 06/5/2024 là: $45 \text{ (ngày)} \times 400.000.000 \text{ đồng (gốc)} \times 8\% : 365 \text{ (ngày)} = 17.822.465 \text{ (đồng)} - 13.847.672 \text{ đồng (đã trả)} = 3.945.205 \text{ đồng}$.

+ Lãi quá hạn: Tính từ ngày 07/5/2024 đến ngày 17/04/2025 là: $345 \text{ (ngày)} \times 400.000.000 \text{ đồng (gốc)} \times 12\% \text{ (lãi quá hạn} = 150\% \text{ lãi trong hạn)} : 365 \text{ (ngày)} = 45.369.863 \text{ đồng}$.

+ Lãi phạt chậm trả: Tính từ ngày 07/5/2024 đến ngày 17/04/2025 là: $345 \text{ (ngày)} \times 3.974.794 \text{ đồng (lãi trong hạn)} \times 10\% \text{ (lãi phạt quá hạn)} : 365 \text{ (ngày)} = 372.903 \text{ đồng}$.

[2.3]. Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng trong trường hợp Ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HDTC18B202333 ngày 17/01/2023, giữa Ngân hàng với ông T, bà H được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của bên nhận thế chấp là Ngân hàng và bên thế chấp là chủ tài sản. Các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC18B202333 ngày 17/01/2023, có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Trong trường hợp ông T, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu Chi cục thi hành án Dân sự xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp là có căn cứ chấp nhận.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam thì ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam đến khi trả hết nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo còn thừa sau khi đã thanh toán đầy đủ khoản nợ của ông T, bà H thì Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam phải trả lại cho ông T, bà H.

[2.4] Đối với ý kiến của ông T tại phiên toà do không có khả năng trả nợ nên xin không trả tiền lãi chỉ trả tiền gốc: Ngân hàng không chấp nhận, khi ký kết hợp đồng vay tiền với Ngân hàng, ông T đã chấp nhận T bộ các nội dung trong hợp đồng về mức lãi suất vay (lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả). Do đó căn cứ vào yêu cầu của Ngân hàng buộc Ông T, bà H phải trả tiền gốc và lãi là đúng quy định vì vậy ý kiến của Ông T không được chấp nhận.

Về yêu cầu nếu xử lý tài sản thế chấp thì phải xử lý theo giá đã định giá tại thời điểm làm hợp đồng thế chấp để vay: Hợp đồng thế chấp tài sản số: HDTC18B202333, ngày 17/01/2023, tại mục 2.3. Giá trị tài sản thế chấp:

“Mục 2.3.1. Các bên thống nhất trị giá tài sản thế chấp là: 1.438.000.000đ.....Mục 2.3.2. Sau thời điểm ký kết hợp đồng này, Bên nhận thế chấp và/hoặc LiênVietPostBank có T quyền định giá lại tài sản tranh chấp. kết quả định giá lại của bên nhận thế chấp và/hoặc LiênVietPostBank có giá trị đối với các bên mà không cần bất kỳ sự chấp thuận hoặc các điều kiện khác được coi như là sự chấp thuận của Bên thế chấp hoặc bên thứ 3 nếu có. Việc định giá Tài sản thế chấp tại bất cứ thời điểm nào chỉ là cơ sở xác định mức cấp tín dụng của bên nhận thế chấp và/hoặc LiênVietPostBank và không áp dụng khi xử lý tài sản thế chấp”.

Việc ký hợp đồng thế chấp của ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H là tự nguyện, có chứng thực Hợp đồng của UBND xã T; có đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh văn phòng đăng ký

đất đai huyện Q nên Thỏa thuận trong Hợp đồng này hợp pháp. Vì vậy yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo giá đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp ngày 17/01/2023 của Ông T là trái với các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng, do đó không chấp nhận ý kiến của ông T.

[3]. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H phải chịu 2.500.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ vì yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận. Do Ngân hàng Lộc phát đã nộp và chi xong nên các bị đơn có trách nhiệm Hn trả cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam số tiền này.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Lộc phát Việt Nam nên ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H phải chịu T bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 317, 318, 319, 320, 351, 463, 466, Điều 468, Điều 500, Điều 501, Điều 502 Bộ luật dân sự;

Các Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam – PGD huyện Q, tỉnh Nghệ An (Tên gọi cũ: Ngân hàng Bưu điện Liên Việt).

1. Buộc Ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (Tên gọi cũ: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt) tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 18B202334 ngày 17/01/2023 và Hợp đồng tín dụng số HDTD18B202468, ngày 22/03/2024 (cụ thể tại: 03 Khế ước nhận nợ kèm theo HDTD) tạm tính đến ngày 17/4/2025 là **1.151.438.522 đ (Một Tỷ, một trăm năm mươi một triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi hai đồng)**. Trong đó, nợ gốc: 995.997.019 đ (Chín trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm mười chín đồng), nợ lãi trong hạn: 15.947.834 đồng; nợ lãi quá hạn: 138.173.220 đồng, lãi phạt chậm trả: 1.320.448 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/4/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 18B202334 ngày 17/01/2023, Hợp đồng tín dụng số HDTD18B202468, ngày 22/03/2024.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp Ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - PGD Q, tỉnh Nghệ An có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 8, diện tích 694,7m² (đất ở nông thôn: 250 m² và đất trồng cây lâu năm: 444,7 m²) và các tài sản gắn liền với đất, tại Bản L, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam thì Ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam đến khi trả hết nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo còn thừa sau khi đã thanh toán đầy đủ khoản nợ của ông T, bà H thì Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam phải trả lại cho ông T và bà H.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H trả lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho Ngân hàng Lộc Phát Việt Nam.

4. Về án phí: Buộc ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị H có trách nhiệm nộp **46,543,156 đ (Bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, một trăm năm mươi sáu đồng)** án phí Kinh doanh thương mại có giá ngạch.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Lộc phát Việt Nam số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010690 ngày 14/10/2024.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn ông Phạm Văn T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Hoàng Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm theo quy định pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND H. Q;
- Chi cục THADS H. Q;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Huyền Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Huyền Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Huyền Anh

*Tại Khế ước nhận nợ số 18B202334/03, ngày 30/8/2023.

Nợ gốc: 195.997.019 đồng; Nợ lãi trong hạn: 8.027.835 đồng; Nợ lãi quá hạn: 24.415.322 đồng; Nợ lãi phạt chậm trả: 527.858 đồng.

* Tại Khế ước nhận nợ số 18B202334/04, ngày 19/12/2023.

Nợ gốc: 400.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.974.794 đồng; Nợ lãi quá hạn: 62.506.849 đồng; Nợ lãi phạt chậm trả: 736.801 đồng.

*Tại Khế ước nhận nợ số 18B202468/01, ngày 22/03/2024. Nợ gốc: 400.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.945.205 đồng; Nợ lãi quá hạn: 42.739.726 đồng; Nợ lãi phạt chậm trả: 351.286 đồng.